

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/02/2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Long

2. Ông Trương Vĩnh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 649/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 08/02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hoài H, sinh năm 1974

Nơi cư trú: 131 P, tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Đậu Thanh T, sinh năm 1967

Nơi cư trú: 361 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Lê Thị Hoài H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đậu Thanh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02 tháng 8 năm 1999. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đến năm 2018 ông T đã 01 lần làm đơn ly hôn tôi và tôi cũng đồng ý ký đơn ly hôn nhưng sau đó Tòa án hòa giải vì con nên ông T đã rút đơn và vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Quá trình sống chung chúng tôi bất đồng trong cách nuôi dạy con, ông T ghen vô cớ, tôi cảm thấy rất mệt mỏi, hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Chúng tôi không giải quyết được nên mâu thuẫn

ngày càng lớn và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Nay tôi xác định là vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T .

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Đậu Thị Bích C, sinh ngày 17/7/2000 và Đậu Đức A , sinh ngày 15/8/2006. Hiện nay Đậu Thị Bích C, đã trưởng thành nên việc ở với ai do cháu tự quyết định. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đậu Đức A đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Đậu Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân như bà H trình bày là đúng, quá trình chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là Đậu Thị Bích C, sinh ngày 17/7/2000 và Đậu Đức A , sinh ngày 15/8/2006. Chúng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì có xảy ra một số mâu thuẫn, tôi nói vợ không nghe nên năm 2018 tôi đã làm đơn ly hôn bà H nhưng sau đó vì con nên rút đơn khởi kiện tiếp tục sống chung với nhau. Quá trình sống chung cũng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về cách nuôi dạy con và một số nguyên nhân khác như bà H đi làm về khuya, tôi nghi ngờ bà H ngoại tình nên mâu thuẫn xảy ra, bà H và con đã về nhà ngoại ở từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Bà H làm đơn ly hôn tôi thì quan điểm của tôi là không đồng ý ly hôn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Cháu Đậu Thị Bích C, đã trưởng thành nên việc ở với ai do cháu tự quyết định còn Đậu Đức A , sinh ngày 15/8/2006, nếu ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cháu An và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hoài H . Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hoài H được ly hôn với ông Đậu Thanh T ; Về con chung: Giao cháu Đậu Đức A , sinh ngày 15/8/2006 cho bà Lê Thị Hoài H trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi; Về tài sản tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Ly hôn và nuôi con chung”, đây là Tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Bà Lê Thị Hoài H và ông Đậu Thanh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân, cả hai bên đều thừa nhận giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung về cách nuôi dạy con và trong làm ăn kinh tế. Hiện nay ông T và bà H đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết quá trình chung sống tại địa phương thì ông T và bà H có mâu thuẫn xảy ra do bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông T xin đoàn tụ gia đình nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Hoài H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

.....
Về con chung: Giữa ông T và bà H có 02 con chung là Đậu Thị Bích C,, sinh ngày 17/7/2000 và Đậu Đức A , sinh ngày 15/8/2006. Hiện nay cháu C đã trên 18 tuổi nên việc cháu ở với ai là tùy cháu quyết định Tòa án không xem xét. Về cháu A thì hiện nay đang ở với bà H , khi ly hôn thì bà H và ông T đều có nguyện vọng xin nuôi cháu A nhưng qua lời khai cháu A có nguyện vọng ở với bà H nên Hội đồng xét xử cần giao cháu A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Hoài H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hoài H

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hoài H được ly hôn với ông Đậu Thanh T .

2. Về con chung: Giao cháu Đậu Đức A , sinh ngày 15/8/2006 cho bà Lê Thị Hoài H trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi.

Ông Đậu Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Hoài H phải chi án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004694 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND xã Hòa Thắng ;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thị Mai

